

Mẫu CBTT/SGDHCM-02

Appendix CBTT/SGDHCM-02

(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của
TGD SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)

(Promulgated with the Decision No 340/QĐ-SGDHCM on August 19, 2016 of the Hochiminh Stock
Exchange on Disclosure of Information Regulation on Hochiminh Stock Exchange)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
CĂN NHÀ MƠ ƯỚC
DREAM HOUSE
INVESTMENT CORPORATION**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số/No.: 015 /2018/DRH-CBTT

TP. HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2018

Ho Chi Minh City, Jan 20th 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ
NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON
THE STATE SECURITIES
COMMISSION'S PORTAL AND
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S
PORTAL**

Kính gửi/ To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức/ *Organization name*: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CĂN NHÀ MƠ ƯỚC/
DREAM HOUSE INVESTMENT CORPORATION
- Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: DRH
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Tầng 9, Central Park, 117-119-121 Nguyễn Du, Phường Bến
Thành, Quận 1, TPHCM/ *9thFloor, Central Park, 117-119-121 Nguyen Du Street, Ben
Thanh Ward, District 1, Ho Chi Minh City*
- Điện thoại/ *Telephone*: 028. 3822 3771
- Fax: 028. 3822 3727
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Trần Hoàng Anh
Chức vụ/ Position: Phó Tổng Giám đốc/ *Deputy General Director*

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu
Information disclosure type: *Periodic* *Irregular* *24 hours* *On demand*

Nội dung thông tin công bố (*)/ Content of Information disclosure (*):

- Công bố thông tin Báo cáo tài chính riêng Quý 4 - năm 2017/ *Disclosure of Quarter
4-2017 saperate financial statement.*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/01/2018 tại đường dẫn: <http://www.dreamhouse.vn>

This information was disclosed on Company's Portal on Jan 20th 2018 Available at: <http://www.dreamhouse.vn>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

Tài liệu đính kèm/ Attachment:

- Báo cáo tài chính riêng Quý 4-2017/ Quarter 4 - 2017 separate financial statement.

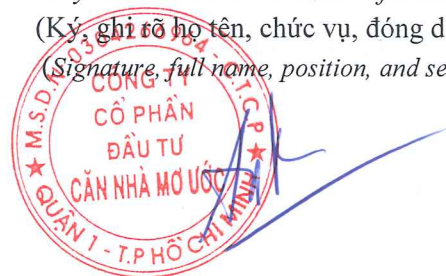
Đại diện tổ chức
Organization representative

Người UQ CBTT

Party authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, position, and seal)



TRẦN HOÀNG ANH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CĂN NHÀ MƠ ƯỚC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 4 NĂM 2017

Tháng 01 năm 2018



MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	2 -3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	5
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	06 - 20

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CĂN NHÀ MƠ ƯỚC

Báo cáo tài chính riêng

Cho giai đoạn từ 01/10/17 đến 31/12/17

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		149.328.624.811	176.095.813.448
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	23.556.079.327	7.801.217.241
Tiền	111		23.556.079.327	7.801.217.241
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	699.354.207	7.028.011.031
Chứng khoán kinh doanh	121		1.417.488.433	7.689.656.824
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(718.134.226)	(661.645.793)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		123.790.297.671	159.813.686.554
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	-	111.560.181.888
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		95.235.000	316.500.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	123.695.062.671	47.937.004.666
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.282.893.606	1.452.898.622
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	912.766.501	904.971.700
Thuế GTGT được khấu trừ	152	16	135.769.015	547.926.922
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	234.358.090	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		701.268.412.393	642.633.600.453
Các khoản phải thu dài hạn	210		8.790.443.641	240.654.569.922
Phải thu dài hạn khác	216	8	8.790.443.641	240.654.569.922
Tài sản cố định	220		1.271.181.200	1.733.441.630
Tài sản cố định hữu hình	221	9	626.167.990	916.424.908
- Nguyên giá	222		1.746.091.496	1.856.182.980
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.119.923.506)	(939.758.072)
Tài sản cố định vô hình	227	10	645.013.210	817.016.722
- Nguyên giá	228		860.017.600	860.017.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(215.004.390)	(43.000.878)
Bất động sản đầu tư	230	11	-	4.422.075.385
- Nguyên giá	231		-	4.422.075.385
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240	12	3.620.542.929	2.551.023.827
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.620.542.929	2.551.023.827
Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	686.053.857.883	391.353.957.802
Đầu tư vào công ty con	251		406.890.000.000	109.890.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		263.257.522.355	286.798.222.355
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		25.040.700.000	5.500.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(9.134.364.472)	(10.834.264.553)
Tài sản dài hạn khác	260		1.532.386.740	1.918.531.887
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	1.532.386.740	1.918.531.887
TỔNG TÀI SẢN	270		850.597.037.204	818.729.413.901

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG(TIẾP)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		222.753.461.558	207.189.647.710
Nợ ngắn hạn	310		222.717.461.558	207.118.647.710
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	8.161.648	124.520.548
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	904.400.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	270.878.467	10.971.731.346
Phải trả người lao động	314		318.654.216	55.762.273
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	1.690.000.000	290.293.250
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	73.199.067.990	21.214.418.686
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	144.307.835.180	173.224.309.551
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.922.864.057	333.212.056
Nợ dài hạn	330		36.000.000	71.000.000
Phải trả dài hạn khác	337	18	36.000.000	71.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		627.843.575.646	611.539.766.191
Vốn chủ sở hữu	410	20	627.843.575.646	611.539.766.191
Vốn góp của chủ sở hữu	411		490.000.000.000	490.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		490.000.000.000	490.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		48.482.061.620	48.482.061.620
Quỹ đầu tư phát triển	418		7.298.065.118	1.441.359.867
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		82.063.448.908	71.616.344.704
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		58.843.644.834	13.457.292.196
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		23.219.804.074	58.159.052.508
TỔNG NGUỒN VỐN	440		850.597.037.204	818.729.413.901

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu



Phạm Thị Mai Nương

Kế toán trưởng



Lê Thị Thuần



Phan Tấn Đạt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
 Quý 4 năm 2017

Chi tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này			
		Quý 4			
		Năm nay VND	Năm trước VND	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	5.881.770.658	32.537.613.699	28.296.347.095	109.016.992.427
Các khoản giảm trừ doanh thu	21				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	5.881.770.658	32.537.613.699	28.296.347.095	109.016.992.427
Giá vốn hàng bán	22		29.245.284.999	5.981.026.799	89.471.910.572
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		5.881.770.658	3.292.328.700	22.315.320.296	19.545.081.855
Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.401.159.391	53.290.296.645	62.444.254.944	65.207.247.966
Chi phí tài chính	23	4.531.834.071	(1.922.706.118)	13.954.057.046	5.202.219.990
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>4.354.657.053</i>	<i>7.175.705.196</i>	<i>15.168.667.002</i>	<i>17.209.317.024</i>
Chi phí bán hàng					
Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	11.892.161.835	9.925.773.104	44.281.556.014	28.783.907.062
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(9.141.065.857)	48.579.558.359	26.523.962.180	50.766.202.769
Thu nhập khác	25	8.703.589	2.826.929	41.762.128	20.171.697.362
Chi phí khác	25		14.000.000	546.960.213	276.346.208
Lợi nhuận khác		8.703.589	(11.173.071)	(505.198.085)	19.895.351.154
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(9.132.362.268)	48.568.385.288	26.018.764.095	70.661.553.923
Chi phí thuế TNDN hiện hành	26		8.698.316.033	2.798.960.021	12.094.501.414
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(9.132.362.268)	39.870.069.255	23.219.804.074	58.567.052.509

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu



Phạm Thị Mai Nương

Kế toán trưởng



Lê Thị Thuần

Tổng Giám Đốc



Phan Tấn Đạt

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CĂN NHÀ MƠ ƯỚC

Báo cáo tài chính riêng

Cho giai đoạn từ 01/10/17 đến 31/12/17

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 4 năm 2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/17-31/12/17 VND	Từ 01/01/16-31/12/16 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		26.018.764.095	70.661.553.923
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		352.168.946	363.575.028
Các khoản dự phòng	03		(1.643.411.648)	(15.596.481.164)
Lãi hoạt động đầu tư	05		(40.715.267.905)	(69.235.803.933)
Chi phí lãi vay	06		15.168.667.002	17.209.317.024
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(819.079.510)	3.402.160.878
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		36.327.333.276	24.347.605.431
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		55.174.789.634	(46.616.635.398)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		378.350.346	(2.086.473.975)
(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		6.272.168.391	(6.909.344.324)
Tiền lãi vay đã trả	14		(15.168.667.002)	(17.248.008.052)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(13.727.819.525)	(3.937.449.783)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	500.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.033.491.712)	(1.669.553.879)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		65.403.583.898	(50.717.199.102)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.307.936.933)	(967.961.236)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		4.129.600.000	24.120.970.172
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(297.000.000.000)	(496.643.052.403)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		263.872.026.888	49.833.900.112
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.574.062.604	12.347.240.471
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(20.732.247.441)	(411.308.902.884)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	336.482.278.000
Tiền thu từ đi vay	33		92.650.154.008	424.939.036.007
Tiền trả nợ gốc vay	34		(121.566.628.379)	(294.974.726.456)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(28.916.474.371)	466.446.587.551
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		15.754.862.086	4.420.485.565
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	7.801.217.241	3.380.731.676
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	23.556.079.327	7.801.217.241

Người lập biểu



Phạm Thị Mai Nương

Kế toán trưởng



Lê Thị Thuần

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2018



Tổng Giám Đốc

Phan Tấn Đạt

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CĂN NHÀ MƠ ƯỚC

Báo cáo tài chính riêng

Cho giai đoạn từ 01/10/17 đến 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Đầu tư Căn nhà Mơ Ước (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103004401 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/03/2006 và được thay đổi lần thứ 14 ngày 26/06/2017 theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0304266964.

Vốn điều lệ của Công ty là 490.000.000.000 đồng.

Trụ sở giao dịch: Tầng 9, Central Park, 117-119-121 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Ngày 13 tháng 07 năm 2010, Công ty đã được chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu DRH.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; môi giới bất động sản và đầu tư tài chính..

1.2 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 KỲ KẾ TOÁN NĂM

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành để lập và trình bày các Báo cáo tài chính quý 4 năm 2017.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 CÁC LOẠI TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI ÁP DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, kế toán quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam. Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền được áp dụng bên Có Tài khoản tiền ngoại tệ và áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế khi phát sinh các nghiệp vụ bên Nợ Tài khoản tiền. Riêng trường hợp rút quỹ tiền mặt bằng ngoại tệ gửi vào Ngân hàng thì được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CĂN NHÀ MƠ ƯỚC

Báo cáo tài chính riêng

Cho giai đoạn từ 01/10/17 đến 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.4 NỢ PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Công ty thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp" và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi bổ sung cho Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

4.5 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh tại thời điểm báo cáo (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh phải được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

4.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Máy móc thiết bị	03 - 07
Phụ tùng tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 05

4.8 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ VÀ KHẤU HAO

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CĂN NHÀ MƠ ƯỚC

Báo cáo tài chính riêng

Cho giai đoạn từ 01/10/17 đến 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

4.9 XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Công ty tập hợp các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng công trình, đây là chi phí xây dựng TSCĐ hoặc bất động sản đầu tư. Bất động sản xây dựng sử dụng cho nhiều mục đích, như làm văn phòng, cho thuê hoặc để bán,... Khi công trình, dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, kế toán căn cứ cách thức sử dụng tài sản trong thực tế để kết chuyển chi phí đầu tư xây dựng phù hợp với bản chất của từng loại tài sản.

4.10 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP KHÁC

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

4.11 NGOẠI TỆ

Công ty áp dụng Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về việc quy định chung về tỷ giá hối đoái và chênh lệch tỷ giá hối đoái, hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá.

4.12 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

4.13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất là 20% tính trên thu nhập chịu thuế theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/06/2015 hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.14 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công cụ tài chính gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân loại phù hợp với Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ tài chính hướng dẫn "Áp dụng chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với Công cụ tài chính".

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
Tiền mặt	224.900.112	129.543.444
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.331.179.215	7.671.673.797
Tổng cộng	23.556.079.327	7.801.217.241

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CĂN NHÀ MƠ ƯỚC

Báo cáo tài chính riêng

Cho giai đoạn từ 01/10/17 đến 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
Cổ phiếu niêm yết :		
Công ty CP Sửa Việt Nam (VNM)	-	6.909.656.824
Cty CP xây dựng & Sản xuất vật liệu xây dựng Dự phòng	637.488.433 (56.488.433)	-
Giá trị hợp lý	581.000.000	6.909.656.824
Cổ phiếu chưa niêm yết :		
Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông (VASS) Dự phòng	780.000.000 (661.645.793)	780.000.000 (661.645.793)
Giá trị hợp lý	118.354.207	118.354.207
Tổng cộng	699.354.207	7.028.011.031

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	-	111.560.181.888
Tổng cộng	-	111.560.181.888

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
Ngắn hạn	123.695.062.671	47.937.004.666
Dài hạn	8.790.443.641	240.654.569.922
Tổng cộng	132.485.506.312	288.591.574.588

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Tại 01/01/2017	103.832.610	1.313.608.303	438.742.067	1.856.182.980
Mua trong kỳ	-	-	624.903.640	624.903.640
Thanh lý, nhượng bán	-	(734.995.124)	-	(734.995.124)
Tại 31/12/2017	103.832.610	578.613.179	1.063.645.707	1.746.091.496
Hao mòn lũy kế				
Tại 01/01/2017	103.832.610	469.145.821	366.779.641	939.758.072
Khấu hao trong kỳ	-	109.467.358	70.698.076	180.165.434
Tại 31/12/2017	103.832.610	578.613.179	437.477.717	1.119.923.506
Giá trị còn lại				
Tại 01/01/2017	-	844.462.482	71.962.426	916.424.908
Tại 31/12/2017	-	-	626.167.990	626.167.990

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CĂN NHÀ MƠ ƯỚC
 Báo cáo tài chính riêng
 Cho giai đoạn từ 01/10/17 đến 31/12/2017
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VN
Nguyên giá	
Tại 01/01/2017	860.017.600
Tại 31/12/2017	860.017.600
Hao mòn lũy kế	
Tại 01/01/2017	43.000.878
Khấu hao trong kỳ	172.003.512
Tại 31/12/2017	215.004.392
Giá trị còn lại	
Tại 01/01/2017	817.016.722
Tại 31/12/2017	645.013.210

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Tại 01/01/2017 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Tại 31/12/2017 VND
Nguyên giá				
Nhà	4.422.075.385		4.422.075.385	-
Giá trị còn lại				
Nhà	4.422.075.385		-	-

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
Căn hộ C/c TDH P.Trường Thọ, Phước Bình	-	2.551.023.827
Phần mềm quản lý Bravo	174.804.000	-
Chi phí xây dựng CBDD	3.445.738.929	-
Tổng cộng	3.620.542.929	2.551.023.827

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
Ngắn hạn	912.766.501	904.971.700
Dài hạn	1.532.386.740	1.918.531.887
Tổng cộng	2.445.153.241	2.823.503.587

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CĂN NHÀ MƠ ƯỚC
 Báo cáo tài chính riêng
 Cho giai đoạn từ 01/10/17 đến 31/12/2017
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tại 31/12/2017 (VND)		Tại 01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	406.890.000.000	-	109.890.000.000	-
Công ty CP Địa ốc An Phú Long	109.890.000.000	-	109.890.000.000	-
Công ty CP KD & PT BĐS Đông Sài Gòn	297.000.000.000	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	263.257.522.355	-	286.798.222.355	(10.004.209.461)
Công ty CP Căn nhà Mơ Ước Cửu Long	-	-	23.540.700.000	(10.004.209.461)
Công ty CP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	263.257.522.355	-	263.257.522.355	-
Đầu tư vào đơn vị khác	25.040.700.000	(9.134.364.472)	5.500.000.000	(830.055.092)
Công ty CP Căn nhà Mơ ước Đông Nam	5.500.000.000	(830.055.092)	5.500.000.000	(830.055.092)
Công ty CP Căn nhà Mơ Ước Cửu Long	19.540.700.000	(8.304.309.380)	-	-
Tổng cộng	695.188.222.355	(9.134.364.472)	402.188.222.355	(10.834.264.553)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CĂN NHÀ MƠ ƯỚC

Báo cáo tài chính riêng

Cho giai đoạn từ 01/10/17 đến 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
Công ty CP Quảng cáo Sáng tạo Mắt bão	-	33.000.000
Công ty TNHH Hòa Tín	-	52.360.000
Công ty CP Giám định Thẩm định Sài Gòn	-	19.800.000
Phải trả nhà cung cấp khác	8.161.648	19.360.548
Tổng cộng	8.161.648	124.520.548

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Tại 31/12/2017 VND
Thuế và các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	449.812.828	449.812.828	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.694.501.415	2.798.960.021	13.493.461.436	-
Thuế thu nhập cá nhân	277.229.931	2.292.839.847	2.299.191.311	270.878.467
Các khoản phải nộp khác		4.000.000	4.000.000	-
Tổng cộng	10.971.731.346	5.545.612.696	16.246.465.575	270.878.467
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	547.926.922	-	-	135.769.015
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	234.358.090	234.358.090
Tổng cộng	547.926.922	-	234.358.090	370.127.105

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	190.000.000	170.000.000
Chi phí lãi vay	-	120.293.250
Khác	1.500.000.000	-
Tổng cộng	1.690.000.000	290.293.250

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
Ngắn hạn	73.199.067.990	21.214.418.686
Dài hạn	36.000.000	71.000.000
Tổng cộng	73.235.067.990	21.285.418.686

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CĂN NHÀ MƠ ƯỚC

Báo cáo tài chính riêng

Cho giai đoạn từ 01/10/17 đến 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Tại 31/12/2017	Tăng	Giảm	Tại 01/01/2017
Vay ngắn hạn	144.307.835.180	92.650.154.008	121.566.628.379	173.224.309.551
Tổng cộng	144.307.835.180	92.650.154.008	121.566.628.379	173.224.309.551

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**20.1 CỔ PHIẾU**

	Tại 31/12/2017 Cổ phiếu	Tại 01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	49.000.000	49.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	49.000.000	49.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	49.000.000	49.000.000
Mệnh giá cổ phiếu (10.000 VND/Cổ phiếu)		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CĂN NHÀ MƠ ƯỚC

Báo cáo tài chính riêng

Cho giai đoạn từ 01/10/17 đến 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

20.2 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng	
Tại 01/01/2016	183.997.020.000	18.002.763.620	1.186.722.152	16.624.892.195	219.811.397.967	VND
Lãi trong năm	-	-	-	58.567.052.509	58.567.052.509	
Phát hành cổ phiếu	306.002.980.000	30.479.298.000	-	-	336.482.278.000	
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.433.800.000	(1.433.800.000)	-	
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.433.800.000)	(1.433.800.000)	
Thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2015	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)	
Thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2016	-	-	-	(408.000.000)	(408.000.000)	
Giảm khác	-	-	(1.179.162.285)	-	(1.179.162.285)	
Tại 31/12/2016	490.000.000.000	48.482.061.620	1.441.359.867	71.616.344.704	611.539.766.191	VND
Tại 01/01/2017	490.000.000.000	48.482.061.620	1.441.359.867	71.616.344.704	611.539.766.191	VND
Lãi trong kỳ	-	-	-	23.219.804.074	23.219.804.074	
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	-	5.856.705.251	(5.856.705.251)	-	
Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(5.856.705.251)	(5.856.705.251)	
Trích Thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	(971.829.294)	(971.829.294)	
Giảm khác	-	-	-	(87.460.074)	(87.460.074)	
Tại 31/12/2017	490.000.000.000	48.482.061.620	7.298.065.118	82.063.448.908	627.843.575.646	VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CĂN NHÀ MƠ ƯỚC

Báo cáo tài chính riêng

Cho giai đoạn từ 01/10/17 đến 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21. DOANH THU**21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Tại 01/10/2017- 31/12/2017 VND	Tại 01/10/2016- 31/12/2016 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.881.770.658	2.361.877.200
Doanh thu bán đất động sản đầu tư	-	1.378.092.899
Doanh thu bán hàng	-	28.797.643.600
Tổng cộng	5.881.770.658	32.537.613.699

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Tại 01/10/2017- 31/12/2017 VND	Tại 01/10/2016- 31/12/2016 VND
Lãi tiền gửi	735.493	3.489.166
Lãi chuyển nhượng vốn góp	-	48.010.700.000
Lãi chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh	-	49.307.479
Cổ tức, lợi nhuận được chia	24.900.000	5.226.800.000
Khác	1.375.523.898	-
Tổng cộng	1.401.159.391	53.290.296.645

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Tại 01/10/2017- 31/12/2017 VND	Tại 01/10/2016- 31/12/2016 VND
Giá vốn bất động sản	-	1.452.271.799
Giá vốn hàng hóa đã bán	-	27.793.013.200
Tổng cộng	-	29.245.284.999

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Tại 01/10/2017- 31/12/2017 VND	Tại 01/10/2016- 31/12/2016 VND
Chi phí lãi vay	4.354.657.053	7.175.705.196
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	(10.004.277.786)
Chi phí khác	177.177.018	905.866.472
Tổng cộng	4.531.834.071	(1.922.706.118)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CĂN NHÀ MƠ ƯỚC

Báo cáo tài chính riêng

Cho giai đoạn từ 01/10/17 đến 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Tại 01/10/2017- 31/12/2017 VND	Tại 01/10/2016- 31/12/2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.934.079.114	5.837.763.346
Chi phí khấu hao và hao mòn	335.815.993	409.173.678
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.420.033.676	3.234.678.611
Chi phí khác	202.233.052	444.157.469
Tổng cộng	11.892.161.835	9.925.773.104

25. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Tại 01/10/2017- 31/12/2017 VND	Tại 01/10/2016- 31/12/2016 VND
Thu nhập khác	8.703.589	2.826.929
Chi phí khác	-	14.000.000
Lợi nhuận khác	8.703.589	(11.173.071)

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Tại 01/10/2017- 31/12/2017 VND	Tại 01/10/2016- 31/12/2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(9.132.362.268)	48.568.385.288
Điều chỉnh tăng các khoản thu nhập chịu thuế	-	149.994.875
- Chi phí không được trừ	-	149.994.875
Điều chỉnh giảm các khoản thu nhập chịu thuế	24.900.000	5.226.800.000
- Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia	24.900.000	5.226.800.000
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	(9.157.262.268)	43.491.580.163
Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh	(9.157.262.268)	43.491.580.163
Tổng thu nhập tính thuế TNDN	(9.157.262.268)	43.491.580.163
Thuế suất (%)	20	20
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	8.698.316.033

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CĂN NHÀ MƠ ƯỚC
 Báo cáo tài chính riêng
 Cho giai đoạn từ 01/10/17 đến 31/12/2017
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
27. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Từ 01/10/17-31/12/17

	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Doanh thu bán bất động sản	Doanh thu bán hàng	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bộ phận	5.881.770.658	-	-	5.881.770.658
Chi phí bộ phận	-	-	-	-
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	5.881.770.658	-	-	5.881.770.658
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(11.892.161.835)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(6.010.391.177)
Doanh thu tài chính				1.401.159.391
Chi phí tài chính				(4.531.834.071)
Thu nhập khác				8.703.589
Chi phí khác				-
Lợi nhuận trước thuế				(9.132.362.268)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				(9.132.362.268)
Tổng tài sản				850.597.037.204
Tổng nợ phải trả				222.753.461.558

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CĂN NHÀ MƠ ƯỚC

Báo cáo tài chính riêng

Cho giai đoạn từ 01/10/17 đến 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

27 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp)**

Từ 01/10/16-31/12/16	Doanh thu cung cấp dịch vụ VND	Doanh thu bán bất động sản VND	Doanh thu bán hàng VND	Cộng VND
Doanh thu thuần bộ phận	2.361.877.200	1.378.092.899	28.797.643.600	32.537.613.699
Chi phí bộ phận	-	(1.452.271.799)	(27.793.013.200)	(29.245.284.999)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.361.877.200	(74.178.900)	1.004.630.400	3.292.328.700
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(9.925.773.104)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(6.633.444.404)
Doanh thu tài chính				53.290.296.645
Chi phí tài chính				1.922.706.118
Thu nhập khác				2.826.929
Chi phí khác				(14.000.000)
Lợi nhuận trước thuế				48.568.385.288
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(8.698.316.033)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				39.870.069.255
Tổng tài sản				818.729.413.901
Tổng nợ phải trả				207.189.647.710

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CĂN NHÀ MƠ ƯỚC

Báo cáo tài chính riêng

Cho giai đoạn từ 01/10/17 đến 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

	Giá trị ghi sổ	
	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.556.079.327	7.801.217.241
Đầu tư tài chính ngắn hạn	699.354.207	7.028.011.031
Phải thu khách hàng và phải thu khác	132.485.506.312	276.295.940.487
Cộng	156.740.939.846	291.125.168.759
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	73.243.229.638	21.392.732.734
Chi phí phải trả	1.690.000.000	290.293.250
Vay và nợ thuê tài chính	144.307.835.180	173.224.309.551
Cộng	219.241.064.818	194.907.335.535

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2017			
Phải trả người bán và phải trả khác	73.207.229.638	36.000.000	73.243.229.638
Chi phí phải trả	1.690.000.000	-	1.690.000.000
Vay và nợ thuê tài chính	144.307.835.180	-	144.307.835.180
Cộng	219.205.064.818	36.000.000	219.241.064.818
Tại 01/01/2017			
Phải trả người bán và phải trả khác	21.321.732.734	71.000.000	21.392.732.734
Chi phí phải trả	290.293.250	-	290.293.250
Vay và nợ thuê tài chính	173.224.309.551	-	173.224.309.551
Cộng	194.836.335.535	71.000.000	194.907.335.535

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CĂN NHÀ MƠ ƯỚC

Báo cáo tài chính riêng

Cho giai đoạn từ 01/10/17 đến 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.556.079.327		23.556.079.327
Đầu tư tài chính ngắn hạn	699.354.207		699.354.207
Phải thu khách hàng và phải thu khác	123.695.062.671	8.790.443.641	132.485.506.312
Cộng	147.950.496.205	8.790.443.641	156.740.939.846
Tại 01/01/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.801.217.241		7.801.217.241
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.028.011.031		7.028.011.031
Phải thu khách hàng và phải thu khác	155.641.370.565	120.654.569.922	276.295.940.487
Cộng	170.470.598.837	120.654.569.922	291.125.168.759

29 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Không có khoản nợ tiềm tàng nào khác phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

30 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cứng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2018

Người Lập biểu



Phạm Thị Mai Nương

Kế toán trưởng



Lê Thị Thuần



Tổng Giám Đốc

Phan Tấn Đạt